

Chapter 14: Noun Clauses

1. Exercise 1. Warm-up. (Chart 14-1)

Check (✓) all the sentences that are grammatically correct.

Chọn những câu đúng ngữ pháp trong các câu dưới đây.

1. How much does this book cost?
2. I don't know.
3. How much this books costs?
4. I don't know how much this book costs.



14-1 Noun Clauses: Introduction

S V O
(a) I know **his address**.
(noun phrase)

S V O
(b) I know **where he lives**.
(noun clause)

Verbs are often followed by objects. The object is usually a noun phrase.*
In (a): **his address** is a noun phrase;
his address is the object of the verb know.

Some verbs can be followed by noun clauses.
In (b): **where he lives** is a noun clause;
where he lives is the object of the verb know.

Động từ thường đi cùng với tân ngữ. Và tân ngữ thường là một cụm danh từ.

*Ở ví dụ (a): **his address** là một cụm danh từ;
his address là tân ngữ của động từ trong câu.*

*Một số động từ có thể đi cùng với mệnh đề danh từ.
Ở ví dụ (b): **where he live** là một mệnh đề danh từ;
where he lives là tân ngữ của động từ trong câu*

S V O
(c) I know **where he lives**

A noun clause has its own subject and verb.
In (c): **he** is the subject of the noun clause;
lives is the verb of the noun clause.

Mệnh đề danh từ có chủ ngữ và động từ riêng.

*Ở ví dụ (c): **he** là chủ ngữ của mệnh đề danh từ.*

***Lives** là động từ của mệnh đề danh từ.*

(d) I know **where my book is**.
(noun clause)

A noun clause can begin with a question word. (See Chart 14-2.)

Mệnh đề danh từ có thể bắt đầu bằng từ để hỏi (Xem bảng 14-2)

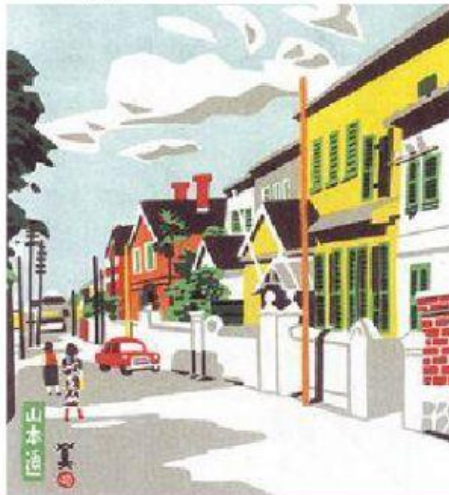
(e) I don't know if Ed is married. (noun clause)	A noun clause can begin with If or whether . (See Chart 14-3.) <i>Mệnh đề danh từ có thể bắt đầu bằng If hoặc whether (Xem bảng 14-3)</i>
(f) I know that the world is round. (noun clause)	A noun clause can begin with that . (See Chart 14-4.) <i>Mệnh đề danh từ có thể bắt đầu bằng That (Xem bảng 14-4)</i>

2. Exercise 2. Looking at grammar. (Chart 14-1)

Identify the noun clauses. Some sentences have no noun clauses.

Xác định mệnh đề danh từ. Một số câu có thể không có mệnh đề danh từ.

- Where are the Smiths living? → Noun Clause:
- I don't know where the Smiths are living. → Noun Clause:
- We don't know what city they moved to. → Noun Clause:
- We know that they moved a month ago. → Noun Clause:
- Are they coming back? → Noun Clause:
- I don't know if they are coming back. → Noun Clause:



14-2 Noun Clauses That Begin with a Question Word

These question words can be used to introduce a noun clause: **when, where, why, how, who, (whom), what, which, whose**.

Information Question	Noun Clause	Notice in the examples: Usual question word order is NOT used in a noun clause. <i>Nhìn vào ví dụ có thể thấy: Trật tự từ để hỏi bình thường KHÔNG được sử dụng trong mệnh đề danh từ.</i> INCORRECT: I know where does he live. CORRECT: I know where he lives
Where does he live?	(a) I don't know where he lives. S V	
When did they leave?	(b) Do you know when they left? S V	
What did she say?	(c) Please tell me what she said. S V	
Why is Tom absent?	(d) I wonder why Tom is absent. S V	

<p>V S Who is that boy?</p> <p>V S Whose pen is this?</p>	<p>S V (e) Tell me who that boy is.</p> <p>S V (f) Do you know whose pen this is?</p>	<p>A noun or pronoun that follows main verb be in a question comes in front of be in a noun clause, as in (e) and (f). <i>Danh từ và đại từ đứng sau động từ to be trong câu hỏi thường đứng trước động từ to be trong mệnh đề danh từ, như ở ví dụ (e) và (f).</i></p>
<p>S V Who is in the office?</p> <p>S V Whose keys are on the counter?</p>	<p>S V (g) I don't know who is in the office.</p> <p>S V (h) I wonder whose keys are on the counter</p>	<p>A prepositional phrase (e.g., in the office) does not come in front of be in a noun clause, as in (g) and (h). <i>Cụm giới từ (vd: in the office) không được đứng trước động từ to be trong mệnh đề danh từ, như ở ví dụ (g) và (h).</i></p>
<p>Who came to class?</p> <p>What happened?</p>	<p>S V (i) I don't know who came to class.</p> <p>S V (j) Tell me what happened</p>	<p>In (i) and (j): Question word order and noun clause word order are the same when the question word is used as a subject. <i>Ở ví dụ (i) và (j): Trật từ từ để hỏi và mệnh đề danh từ giống nhau trong trường hợp từ để hỏi đóng vai trò là chủ ngữ.</i></p>

3. Exercise 3. Looking at grammar. (Charts 5-2 and 14-2)

Decide if the given words are a **noun clause** or an **information question**. If a noun clause, add **I don't know**. If an information question, add a capital letter and a question mark.

*Xác định những cụm từ được cho dưới đây là **mệnh đề danh từ** hay **câu hỏi**. Nếu đó là **mệnh đề danh từ** thì thêm **I don't know** vào trước câu đó. Nếu đó là **câu hỏi thông tin** thì **viết hoa** chữ cái đầu tiên và **thêm dấu chấm hỏi** ở cuối câu.*

NOUN INFORMATION
CLAUSE QUESTION

- a. why he left.
→ **I don't know** why he left.

b. why did he leave
→ **Why** did he leave?
- a. where she is living
→

b. where is she living

→

3. a. where did Nick go

→

b. where Nick went

→

4. a. what time the movie begins

→

b. what time does the movie begin

→

5. a. why is Yoko angry

→

b. why Yoko is angry

→

4. Exercise 4. Looking at grammar. (Charts 5-2 and 14-2)

Identify the subject (S) and verb (V) of Speaker A's question. Complete Speaker B's response with a noun clause.

Xác định chủ ngữ (S) và động từ (V) trong câu hỏi của Speaker A. Hoàn thành câu trả lời của Speaker B với một mệnh đề danh từ.

V S

1. A: Why is fire hot?

B: I don't know why fire is hot.

2. A: Where does Frank go to school?

B: I don't know _____ to school.

3. A: Where did Natasha go yesterday?

B: I don't know. Do you know _____ yesterday?

4. A: Why is Maria laughing?

B: I don't know. Does anybody know _____?

5. A: How much does an electric car cost?

B: Peter can tell you _____.

6. A: How long do elephants live?

B: I don't know _____.

7. A: When was the first wheel invented?



B: I don't know. Do you know _____?



8. A: How many hours does a light bulb burn?

B: I don't know exactly _____.

9. A: Where did Emily buy her computer?

B: I don't know _____.

10. A: Who lives next door to Kate?

B: I don't know _____ next door to Kate.

11. A: Who did Julie talk to?

B: I don't know _____ to.

12. A: Why is Mike always late?

B: You tell me! I don't understand _____ late.

5. Exercise 5. Looking at grammar. (Chart 14-2)

Complete the responses with noun clauses.

Hoàn thành các câu sau, sử dụng mệnh đề danh từ.

1. A: Who is that woman?

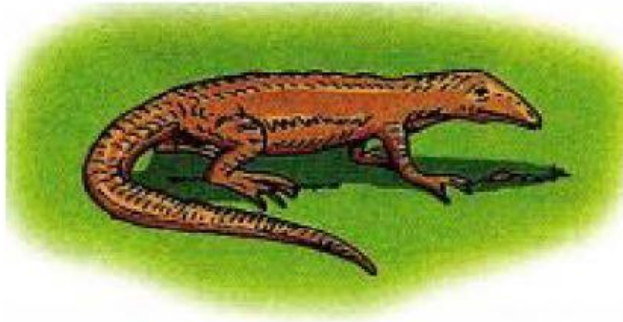
B: I don't know who that woman is.

2. A: Who is on the phone?

B: I don't know who is on the phone.

3. A: What is a lizard?

B: I don't know _____.



4. A: What is in that bag?

B: I don't know _____.

5. A: Whose car is that?

B: I don't know _____.

6. A: Whose car is in the driveway?

B: I don't know _____.

7. A: Who is Bob's doctor?

B: I'm not sure _____.

8. A: Whose ladder is this?

B: I don't know _____ . Hey, Hank, do you know?

C: It's Hiro's.



9. A: What's at the end of a rainbow?

B: What did you say, Susie?

A: I want to know _____.

6. Exercise 6. Looking at grammar. (Charts 5-2 and 14-2)

Complete the sentences with the correct form of the words in parentheses.

Hoàn thành các câu sau với dạng đúng của từ được cho trong ngoặc.

1. A: Where (Sophia, eat) did Sophia eat lunch yesterday?

B: I don't know where (she, eat) she ate lunch yesterday.

2. A: Do you know where (Jason, work) _____?

B: Who?

A: Jason. Where (he, work) _____?

B: I don't know.

3. A: Where (you, see) _____ the ad for the computer sale last week?

B: I don't remember where (I, see) _____ it. In one of the local papers, I think.



4. A: How can I help you?

B: How much (that camera, cost) _____?

A: You want to know how much (this camera, cost) _____, is that right?

B: No, not that one. The one next to it.



5. A: How far (you, can run) _____ without stopping?

B: I have no idea. I don't know how far (I, can run) _____ without stopping. I've never tried.

6. A: Ann was out late last night, wasn't she? When (she, get) _____ in?

B: Why do you want to know when (she, get) _____ home?

A: Just curious.

7. A: What time (it, is) _____?

B: I don't know. I'll ask Sara. Sara, do you know what time (it, is) _____?

C: Almost four-thirty.

8. A: Mom, why (some people, be) _____ mean to other people?

B: Honey, I don't really understand why (some people, be) _____ mean to others. It's difficult to explain.

"You get what you pay for" - " Tiền nào của nấy"